

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ
Số 01/2011-CTCP

MỤC LỤC

BÁO CÁO CỦA HỘI TÔNG LÃNH ĐẠO

BÁO CÁO VÀ KẾ TOÁN AN YÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TÀI SẢN

TRUY

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG NĂM 2011

Đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần chiếu xạ An Phú trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng năm 2011 của mình đã được kiểm toán bởi các Kiểm toán viên độc lập.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú tiền thân là Công ty Cổ phần chiếu xạ Thực phẩm. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4603000059 ngày 20 tháng 01 năm 2003. Trong quá trình hoạt động Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 08 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp có một số thay đổi tên gọi như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 ngày 01 tháng 02 năm 2005 đổi tên từ Công ty Cổ phần Chiếu xạ Thực Phẩm thành Công ty Cổ Phần Chiếu xạ Bình Dương.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 02 ngày 23 tháng 11 năm 2006 đổi tên từ Công ty Cổ Phần Chiếu xạ Bình Dương thành Công ty Cổ Phần An Phú Bình Dương.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 07 số 3700480244 ngày 21 tháng 7 năm 2009 đổi tên từ Công ty Cổ Phần An Phú Bình Dương thành Công ty Cổ Phần Chiếu xạ An Phú.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

• **Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:**

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ vốn góp (%)
Công ty Tài chính TNHH MTV Cao Su Việt Nam. Người đại diện: Ông Phan Minh Anh Ngọc	1.483.782	14.837.820.000	17,17
Phan Vĩnh Quỳnh Như	840.000	8.400.000.000	9,72
Trần Ngọc Thiên Nga	428.999	4.289.990.000	4,97
Nguyễn Hồng Lê	388.500	3.885.000.000	4,50
Nguyễn Thành Lập	122.000	1.220.000.000	1,41
Lê Kim Yến	138.333	1.383.330.000	1,60
Nguyễn Thị Hương	55.000	550.000.000	0,64
Các cổ đông khác	7.991.386	79.913.860.000	59,99
Cộng	11.448.000	114.480.000.000	100,00

• **Trụ sở hoạt động:**

Địa chỉ : Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
 Website : apic.com.vn
 Mail : info@apic.com.vn
 Điện thoại : (84-0650) 3 714 035
 Fax : (84-0650) 3 712 293
 Mã số thuế : 3 7 0 0 4 8 0 2 4 4

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

• Hoạt động chính của Công ty:

- Chiếu xạ khử trùng các loại thủy hải sản, các loại dụng cụ y tế;
- Dịch vụ bảo quản rau quả đông lạnh;
- Dịch vụ bảo quản các loại thực phẩm;
- Chiếu xạ bảo quản các loại sản phẩm công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác;
- Mua bán thủy hải sản, các sản phẩm từ thịt, hàng nông sản các loại;
- Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề được cấp phép nhưng trong năm tài chính chưa phát sinh tại Công ty là: đầu tư tài chính về cổ phiếu, cổ phần./.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Hữu Hiệp	Chủ tịch
Ông Huỳnh Hồng Vĩnh	Thành viên
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên
Ông Lê Văn Mừng	Thành viên
Ông Trần Ngọc Thành	Thành viên

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Huỳnh Thị Từ Ái	Trưởng ban
Bà Võ Anh Tú	Ủy viên
Ông Nguyễn Thuận Hóa	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vương Đình Khoát	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đắc Đoàn	Kế toán trưởng

Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 29).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



VƯƠNG ĐÌNH KHOÁT – Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 06 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011 RIÊNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần chiếu xạ An Phú gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 06 tháng 02 năm 2012, từ trang 06 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán được thừa nhận tại Việt Nam và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Hạn chế của cuộc kiểm toán

Dự án Nhà Máy chiếu xạ An Phú Bình Minh đã được xây dựng hoàn thành chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường kể từ tháng 10 năm 2011. Do đặc điểm riêng về hoạt động xây dựng cơ bản nên tại thời điểm Nhà máy đi vào hoạt động bình thường thì các nhà thầu vẫn chưa hoàn tất các thủ tục nghiệm thu, quyết toán các hạng mục công trình. Vì vậy Công ty phải trích trước các chi phí còn ghi nhận chưa đủ theo các Hợp đồng đã ký với nhà thầu (Xem thuyết minh VI.14)

Công việc kiểm toán nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính theo các thủ tục kiểm toán Báo cáo tài chính thông thường không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành, việc này chỉ thực hiện được khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành. Vì vậy chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về nguyên giá tài sản cố định được hình thành từ xây dựng cơ bản hoàn thành trong năm (Xem thuyết minh VI.8 và VI.9)

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN (tiếp theo.)

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến Chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của hạn chế nêu trên (nếu có) đến một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính, các chỉ tiêu còn lại đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2012



VĂN NAM HẢI – Phó Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0832/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

NGUYỄN THỊ THƠM - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0787/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, Thị trấn Thuận An, tỉnh Dinh Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		50.651.557.405	43.161.575.700
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	2.321.696.511	5.340.300.589
	Tiền	111		2.321.696.511	5.340.300.589
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.247.776.682	33.830.751.713
	1. Phải thu khách hàng	131	VI.2	18.415.899.476	13.348.066.361
	2. Tra trước cho người bán	132	VI.3	23.881.653.194	17.239.027.900
	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		425.347.681	-
	4. Các khoản phải thu khác	135	VI.4	2.524.876.331	3.243.657.452
IV.	Hàng tồn kho	140		915.231.278	262.117.920
	Hàng tồn kho	141	VI.5	915.231.278	262.117.920
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		2.166.852.934	3.728.405.478
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.6	85.422.159	57.305.100
	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		537.928.932	1.901.765.910
	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		1.444.806	-
	4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.7	1.542.057.037	1.769.334.468
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		221.873.259.316	122.192.047.546
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II.	Tài sản cố định	220		163.271.972.590	90.594.020.443
	1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.8	130.361.655.373	45.939.953.903
	Nguyên giá	222		169.374.948.030	76.456.275.442
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.013.292.657)	(30.516.321.539)
	2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.9	32.667.372.617	6.781.994.310
	Nguyên giá	228		34.417.854.326	7.990.036.144
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.750.481.709)	(1.208.041.834)
	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.10	242.944.600	37.872.072.230
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.304.000.000	-
	Đầu tư vào Công ty con	251	VI.11	2.304.000.000	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		56.297.286.726	31.598.027.103
	1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.12	55.997.499.353	31.467.262.211
	2. Tài sản dài hạn khác	268		299.787.373	130.764.892
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		272.524.816.721	165.353.623.246

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, Thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		119.557.972.302	18.746.363.447
I. Nợ ngắn hạn	310		51.551.318.496	6.673.903.870
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.13	25.549.282.711	-
2. Phải trả người bán	312	VI.14	1.745.910.303	1.292.778.300
3. Người mua trả tiền trước	313		25.093.025	16.280.295
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.15	2.465.959.048	1.726.045.046
5. Phải trả người lao động	315	VI.16	2.994.461.535	1.508.097.741
6. Chi phí phải trả	316	VI.17	15.712.754.381	441.688.389
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.18	954.613.936	267.228.174
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	VI.19	2.103.243.557	1.421.785.925
II. Nợ dài hạn	330		68.006.653.806	12.072.459.577
1. Vay và nợ dài hạn	334	VI.20	67.969.361.110	12.027.132.031
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	VI.21	37.292.696	45.327.546
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		152.966.844.419	146.607.259.799
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.22	152.966.844.419	146.607.259.799
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		114.480.000.000	114.480.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(74.000.000)	(59.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.546.952.146	5.546.952.146
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.722.282.579	3.722.282.579
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		413.224	413.224
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		29.291.196.470	22.916.611.850
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		272.524.816.721	165.353.623.246

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		54.233,93	200.088,98

Bình Dương, ngày 06 tháng 02 năm 2012



Vương Đình Khoát - Tổng Giám đốc

Nguyễn Đắc Đoàn - Kế toán trưởng

Trần Ngọc Minh - Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, Thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		109.887.610.052	67.055.865.539
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	109.887.610.052	67.055.865.539
4 Giá vốn hàng bán	11	VII.2	48.444.308.005	28.395.780.722
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		61.443.302.047	38.660.084.817
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	4.212.948.047	175.235.965
7 Chi phí tài chính	22	VII.4	5.590.402.620	137.800.000
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.221.974.194	-
8 Chi phí bán hàng	24		13.351.262.825	4.504.723.229
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.761.689.732	5.765.023.350
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.952.894.917	28.427.774.203
11 Thu nhập khác	31		11.527.304	294.649.396
12 Chi phí khác	32		111.959.419	454.480.939
13 Lợi nhuận khác	40		(100.432.115)	(159.831.543)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		34.852.462.802	28.267.942.660
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.15	2.439.672.397	3.168.172.810
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		32.412.790.405	25.099.769.850
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.833	2.194

Bình Dương, ngày 06 tháng 02 năm 2012



Vương Đình Khoát - Tổng Giám đốc

Nguyễn Đắc Đoàn - Kế toán trưởng

Trần Ngọc Minh - Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, Thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		34.852.462.802	8.767.951.074
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		9.039.410.993	3.637.322.526
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(354.475.386)	-
- Chi phí lãi vay	06		3.221.974.194	92.925.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		46.759.372.603	12.498.198.600
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.996.377.847)	(1.157.268.218)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(653.113.358)	(126.744.210)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(2.001.146.530)	(577.546.218)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(24.558.354.201)	3.326.082.444
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3.221.974.194)	(92.925.000)
- Thuế thu nhập đã nộp	14		(1.962.864.568)	(533.438.467)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	200.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.911.565.600	(3.374.821.893)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.277.107.505	10.161.537.038
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(66.021.798.759)	(16.837.874.709)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1.200.000.000
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.304.000.000)	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		354.475.386	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(67.971.323.373)	(15.637.874.709)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	28.080.000.000
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(15.000.000)	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		94.552.784.992	-
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(12.980.973.202)	(800.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.881.200.000)	(21.412.011.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		58.675.611.790	5.867.988.500
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.018.604.078)	391.650.829
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.340.300.589	4.320.902.392
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VI.1	2.321.696.511	4.712.553.221

Bình Dương, ngày 06 tháng 02 năm 2012



Vương Đình Khoát - Tổng Giám đốc

Nguyễn Đắc Đoàn - Kế toán trưởng

Trần Ngọc Minh - Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính năm 2011 riêng của Công ty Cổ Phần Chiếu xạ An Phú (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Chiếu xạ khử trùng các loại thủy hải sản, các loại dụng cụ y tế;
 - Dịch vụ bảo quản rau quả đông lạnh;
 - Dịch vụ bảo quản các loại thực phẩm;
 - Chiếu xạ bảo quản các loại sản phẩm công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác;
 - Mua bán thủy hải sản, các sản phẩm từ thịt, hàng nông sản các loại;
 - Đầu tư tài chính về cổ phiếu, cổ phần./.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là năm tài chính thứ 11 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 161/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2010: 18.932 VND/USD

Ngày 31/12/2011: 20.828 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

Số năm khấu hao của các nhóm Tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 - 50

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí mua nguồn xạ dự trữ để xử lý chiếu xạ được phân bổ dần vào chi phí trong kỳ theo khối lượng tiêu hao thực tế.

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 60 tháng.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chi phí lãi vay đầu tư xây dựng Nhà máy chiếu xạ An Phú Bình Minh được ngưng vốn hóa từ tháng 10 năm 2011, khi Nhà máy bắt đầu hoạt động kinh doanh bình thường.

9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo Hóa đơn, chứng từ.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán bổ sung vào chi phí.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Nguồn vốn kinh doanh – quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo sổ thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Hiện tại, Công ty đang được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trong 10 năm kể từ năm 2005 theo công văn số 2564/CT-TT&HT ngày 20/04/2006 của Cục thuế tỉnh Bình Dương.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 2564/CT-TT&HT ngày 20/04/2006 của Cục thuế tỉnh Bình Dương.

Năm 2011 là năm thứ 5 Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
(a) Tiền mặt	445.147.557	593.749.548
- Tiền mặt VND	445.147.557	593.749.548
- Tiền mặt USD quy đổi sang VND	-	-
(b) Tiền gửi ngân hàng	1.381.548.954	4.746.551.041
- Tiền mặt VND	1.148.190.036	958.466.093
- Tiền mặt USD quy đổi sang VND	233.358.918	3.788.084.948
(c) Khoản tương đương tiền	495.000.000	-
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	2.321.696.511	5.340.300.589

2. Phải thu của khách hàng

- Khách hàng Việt Nam	16.191.564.334	9.655.759.571
- Khách hàng Nước ngoài	2.224.335.142	3.692.306.790
Cộng	18.415.899.476	13.348.066.361

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

3. Trả trước người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP XD Cao Su đồng Nai	679.816.717	273.465.396
- Công ty CP TV TM DV Địa ốc Hoàng Quân Mekong	-	620.706.138
- Công ty điện lực Vĩnh Long	-	257.949.431
- Hungaroster co., Ltd	16.078.733.415	10.929.348.940
- Cty TNHH TM DV Kỹ Thuật Mặt Trời	1.013.991.500	638.789.600
- Công ty TNHH TM DV PCCC Thái Bình Thịnh	530.551.478	364.570.239
- Cty TNHH Cơ điện lạnh Lê Quốc	292.122.705	-
- Công ty TNHH TM & SX Tân Phương Phát (*)	1.066.870.786	-
- Cty TNHH XD Nhà thép Liên Việt (*)	1.642.050.000	822.800.000
- Công ty TNHH Việt Phúc Hưng	100.000.000	-
- Công ty TNHH TVXD Trần Nguyễn (*)	1.007.300.000	325.016.000
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Kiên Giang	274.954.000	274.954.000
- Các đối tượng khác	1.195.262.593	2.731.428.156
Cộng	23.881.653.194	17.239.027.900

4. Phải thu khác

- Các khoản khác	415.462.322	405.819.282
- Bộ nông nghiệp Hoa Kỳ	2.103.446.172	2.739.520.309
- Nguyễn Thị Hồng Thúy	2.222.131	-
- Bảo hiểm xã hội Bình Dương	3.204.270	98.317.861
- Đối tượng khác	2.492.686	-
Cộng	2.524.876.331	3.243.657.452

5. Hàng tồn kho

- Nguyên vật liệu chính	47.342.500	-
- Nguyên vật liệu phụ	64.659.091	95.500.000
- Phụ tùng thay thế	43.254.000	28.750.000
- Công cụ, dụng cụ	300.074.307	118.692.274
- Bao bì luân chuyển	449.149.583	19.175.646
- Chi phí SXKD dở dang - Thanh Long	5.594.923	-
- Chi phí SXKD dở dang - Xoài	5.156.874	-
Cộng	915.231.278	262.117.920

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ	28.598.201	57.305.100
- Cước internet	8.000.000	-
- Bảo hiểm tài sản	48.823.958	-
Cộng	85.422.159	57.305.100

7. Tài sản ngắn hạn khác

<i>Tạm ứng</i>	684.052.797	527.395.268
- Nguyễn Thị Hồng Thúy	165.000.000	18.000.000
- Lê Đức Hiến	28.400.000	3.500.000
- Nguyễn Văn Hiếu	53.548.983	207.224.100
- Nguyễn Văn Quốc	66.329.200	32.200.000
- Nguyễn đắc Quý	135.803.315	55.923.715
- Nguyễn Tấn Thành	13.000.000	13.000.000
- Hồ Văn Quang	39.183.799	76.397.855
- Các đối tượng khác	501.265.297	121.149.598
<i>Ký quỹ ngắn hạn</i>	858.004.240	1.241.939.200
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	858.004.240	1.241.939.200
Cộng	1.542.057.037	1.769.334.468

8. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng TSCĐ hữu hình
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	36.854.442.636	36.435.335.253	2.732.181.761	434.315.792	76.456.275.442
2. Tăng trong kỳ	44.050.230.337	40.422.652.903	7.924.147.234	521.642.114	92.918.672.588
- Do mua sắm	-	-	200.000.000	-	200.000.000
- Do XDCB hoàn thành	44.050.230.337	40.422.652.903	7.724.147.234	521.642.114	92.718.672.588
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	80.904.672.973	76.857.988.156	10.656.328.995	955.957.906	169.374.948.030
II. Hao mòn lũy kế					
1. Số đầu năm	10.628.974.698	18.632.051.229	965.023.802	290.271.810	30.516.321.539
2. Tăng trong kỳ	2.932.467.893	4.889.571.361	593.970.288	80.961.576	8.496.971.118
- Khấu hao trong kỳ	2.932.467.893	4.889.571.361	593.970.288	80.961.576	8.496.971.118

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng TSCĐ hữu hình
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	13.561.442.591	23.521.622.590	1.558.994.090	371.233.386	39.013.292.657
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	26.225.467.938	17.803.284.024	1.767.157.959	144.043.982	45.939.953.903
4. Số cuối năm	67.343.230.382	53.336.365.566	9.097.334.905	584.724.520	130.361.655.373
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2011	-	96.000.000	490.473.177	151.539.728	738.012.905
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã thể chấp để đảm bảo nợ vay					168.418.990.124

9. Tài sản cố định vô hình

Tình hình tăng giảm tài sản trong kỳ như sau:

	Phần mềm Quản lý kho lạnh	Quyền sử dụng đất	Cộng TSCĐ vô hình
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	54.000.000	7.936.036.144	7.990.036.144
2. Tăng trong kỳ	102.818.182	26.325.000.000	26.427.818.182
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối năm	156.818.182	34.261.036.144	34.417.854.326
II. Hao mòn lũy kế			
1. Số đầu năm	23.709.677	1.184.332.157	1.208.041.834
2. Tăng trong kỳ	14.013.068	528.426.807	542.439.875
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối năm	37.722.745	1.712.758.964	1.750.481.709
III. Giá trị còn lại			
1. Số đầu năm	30.290.323	6.751.703.987	6.781.994.310
2. Số cuối năm	119.095.437	32.548.277.180	32.667.372.617
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã thể chấp đảm bảo nợ vay			34.261.036.144

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

10. Chi phí xây dựng cơ bản

Gồm toàn bộ những chi phí tiền lương Ban quản lý dự án, tiền thuê nhà thầu thực hiện các Hợp đồng xây dựng, tiền mua máy móc thiết bị, chi phí lãi vay vốn hóa trong giá trị công trình, chi phí khác liên quan trực tiếp đến công trình Nhà máy chiếu xạ An Phú Bình Minh:

Số đầu năm:	37.872.072.230 VND
Đầu tư thêm trong kỳ:	113.904.028.709 VND
Kết chuyển Tài sản cố định trong kỳ (*):	119.146.490.770 VND
Kết chuyển chi phí trả trước dài hạn:	32.386.665.569 VND
Số cuối năm:	242.944.600 VND

(*) Chi tiết TSCĐ tăng trong năm:

1. Nhà cửa vật kiến trúc	44.050.230.337 VND
2. Máy móc thiết bị	40.422.652.903 VND
3. Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7.724.147.234 VND
4. Thiết bị, Dụng cụ quản lý	521.642.114 VND
5. Phần mềm quản lý kho lạnh	102.818.182 VND
6. Quyền sử dụng đất	26.325.000.000 VND
Cộng	119.146.490.770 VND

Dự án nhà máy Chiếu xạ An Phú Bình Minh được UBND tỉnh Vĩnh Long – BQL các KCN cấp giấy chứng nhận đầu tư số 54221000023 ngày 26 tháng 10 năm 2009.

- Công suất 250 tấn/ngày, giai đoạn I: 150 tấn/ngày; Giai đoạn II: 100 tấn/ngày.
- Địa điểm thực hiện dự án: lô C1 và C2, Khu công nghiệp Bình Minh, xã Mỹ Hoà, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.
- Tổng vốn đầu tư: 250.000.000.000 VND.
 - + Giai đoạn I: 150.000.000.000 VND.
 - + Giai đoạn II: 100.000.000.000 VND.
- Thời gian thực hiện dự án là 45 năm kể từ ngày được cấp giấy phép.
- Tiến độ thực hiện:
 - + Giai đoạn I: Từ 01/3/2010 đến 01/01/2011.
 - + Giai đoạn II: Từ 01/01/2011 đến 01/01/2013.

11. Đầu tư vào Công ty con

2.304.000.000

Đầu tư vào Công ty TNHH MTV An Phú Bình Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguồn xạ	52.470.503.170	28.945.334.503
- Chi phí chương trình chiếu xạ trái cây	1.289.267.504	1.933.901.252
- Chi phí mua thanh long Chiếu xạ	-	25.107.178
- Chi phí sửa chữa xe Grown	117.108.346	194.618.769
- Chi phí sửa chữa nhà ăn, nhà vệ sinh	13.283.643	112.160.075
- Chi phí sửa chữa cửa kho lạnh	13.333.324	33.333.328
- Tiền thuê đất	14.546.833	16.971.301
- Palet cho kho lạnh	40.541.655	119.428.021
- Máy vi tính, máy in, máy đếm tiền	-	9.264.937
- Dây băng tải, hệ thống loại dummy	-	77.142.847
- Chi phí liên quan đến nhập nguồn xạ	1.700.294.227	-
- Các chi phí khác	338.620.651	-
Cộng	55.997.499.353	31.467.262.211

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số đầu năm	Vay thêm trong năm	Thanh toán trong năm	Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	-	25.031.026.015	12.980.973.202	(80.300.000)	11.969.752.813
Vay Ngân hàng Navibank (VND)	-	2.658.000.000	1.102.247.187	-	1.555.752.813
Vay Ngân hàng Navibank (USD)	-	9.856.444.196	9.856.444.196	-	-
Vay NH SHN (VND)	-	2.022.281.819	2.022.281.819	-	-
Vay NH SHN (USD)	-	10.494.300.000	-	(80.300.000)	10.414.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	13.579.529.898	-	-	13.579.529.898
Vay Ngân hàng Navibank (VND)	-	5.300.000.000	-	-	5.300.000.000
Vay Ngân hàng Navibank (USD)	-	8.279.529.898	-	-	8.279.529.898
Cộng	-	38.610.555.913	12.980.973.202	(80.300.000)	25.549.282.711

Các khoản vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động, cho hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

14. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP TV TM DV Địa ốc Hoàng Quân Mêkông	663.476.662	-
- Ông Nguyễn Văn Phước	53.179.500	-
- DNTN xăng dầu Lai Uyên Hai	33.200.000	-
- Công ty CP Quốc tế Lô Gi Stic Hoàng Hà	6.293.535	484.643.250
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Điện Toàn Thịnh Phát	428.220.249	-
- Ông Trương Văn Do	122.676.000	-
- Công ty TNHH Phan Hoàng Phát	178.720.000	30.580.000
- Công ty TNHH Tiếp Vận Sao Việt	1.058.289	-
- Công ty CP Tân Tấn Lộc	133.170.400	418.832.900
- Cơ sở Pallet Bao bì Thanh Hoa	29.000.000	56.000.000
- Cty TNHH TM TB PTN & TB Y tế Minh Phát	-	52.525.000
- Ông Nguyễn Văn út	-	205.544.000
- Các đối tượng khác	96.915.668	44.653.150
Cộng	1.745.910.303	1.292.778.300

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải nộp cuối năm
Thuế	1.708.197.756	8.156.484.225	7.410.365.730	2.454.316.251
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	445.266.168	445.266.168	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	523.660.081	525.104.887	(1.444.806)
Thuế xuất nhập khẩu	-	4.225.850.829	4.225.850.829	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.637.652.116	2.439.672.397	1.962.864.568	2.114.459.945
Các loại thuế khác	70.545.640	522.034.750	251.279.278	341.301.112
- Thuế Thu nhập cá nhân	70.545.640	519.034.750	248.279.278	341.301.112
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phải nộp khác	17.847.290	88.700.585	96.349.884	10.197.991
Các khoản phí, lệ phí	17.847.290	88.700.585	96.349.884	10.197.991
Tổng cộng	1.726.045.046	8.245.184.810	7.506.715.614	2.464.514.242

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

• Thuế giá trị gia tăng

- Công ty áp dụng Luật Thuế Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

- Thuế suất áp dụng:

+ Doanh thu hàng xuất khẩu : 0 %

+ Doanh thu dịch vụ xử lý hàng nông, lâm thủy hải sản chưa qua sơ chế : 5%

+ Doanh thu hàng hóa, dịch vụ khác : 10%

• Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số (V.14)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

- Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế

- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế

- Tổng thu nhập chịu thuế

Trong đó: + Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính (20%)

+ Thu nhập từ thu nhập khác lỗ nên bù trừ vào hoạt động chính

- Thuế thu nhập doanh nghiệp Theo thuế suất ưu đãi

- Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%

- Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% theo TT 154/2011/TT-BTC

Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

• Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm soát của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Năm nay

34.852.462.802

34.852.462.802

34.852.462.802

6.970.492.560

(3.485.246.280)

(1.045.573.883)

2.439.672.397

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

16. Phải trả người lao động 2.994.461.535

Quỹ lương đã trích năm 2011 còn phải chi lương tháng 12 và lương tháng 13 cho người lao động, theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 18 tháng 03 năm 2011 trích 22% lợi nhuận trước thuế không bao gồm chi phí lương.

17. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí đầu tư xây dựng nhà máy chiếu xạ An Phú Bình Minh theo Hợp đồng với nhà thầu	15.695.564.381	-
- Chi phí xuất hàng 4 cont biển 1 cont air	-	371.688.389
- Chi phí tư vấn niêm yết	-	70.000.000
- Chi phí khác	17.190.000	-
Cộng	15.712.754.381	441.688.389

18. Phải trả, phải nộp khác

- Kinh phí công đoàn	125.674.688	88.749.817
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	443.797.220	-
- Chia cổ tức năm 2009	41.490.000	56.395.625
- Chia cổ tức năm 2010	(9.641.000)	-
- Thù lao Hội Đồng quản trị	164.194.091	36.500.000
- Ông Trần Văn Ngoan	50.000.000	50.000.000
- Công ty TNHH MTV An Phú Bình Minh - Cty con	24.753.406	-
- Công ty CP Chế Biến Thủy Hải Sản Sơn Sơn	91.830.435	-
- Các đối tượng khác	22.515.096	35.582.732
Cộng	954.613.936	267.228.174

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Quỹ khen thưởng	1.231.617.076	2.072.477.824	1.788.542.600	1.515.552.300
- Quỹ phúc lợi	190.168.849	520.545.408	123.023.000	587.691.257
- Quỹ thưởng ban điều hành quản lý	413.224	-	-	413.224
Cộng	1.422.199.149	2.593.023.232	1.911.565.600	2.103.656.781

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

20. Vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Vay thêm trong năm	Nợ dài hạn đến hạn trả	Số cuối năm
Vay Ngân hàng Navibank (VND)	12.027.132.031	21.972.767.969	5.300.000.000	28.699.900.000
Vay Ngân hàng Navibank (USD)	-	47.548.991.008	8.279.529.898	39.269.461.110
Cộng	12.027.132.031	69.521.758.977	13.579.529.898	67.969.361.110

Các khoản vay dài hạn chi tiết như sau:

- *Hợp đồng vay* : *Số 007/10/HDTD/101-54 ngày 12 tháng 10 năm 2010*
 - + Hạn mức vay : 40.000.000.000 VND
 - + Lãi vay : 17%/năm
 - + Thời hạn vay : 72 tháng
 - + Ngày trả nợ gốc đầu tiên: 25/22/1011, mỗi kỳ trả 4.000.000.000 tỷ, 6 tháng/ 1 kỳ
 - + Mục đích vay : Thanh toán tiền thuê đất tại KCN Bình Minh tỉnh Vĩnh Long.
 - + Tài sản đảm bảo : Quyền sử dụng đất lô 1C-2C KCN Bình Minh tỉnh Vĩnh Long.
- *Hợp đồng vay* : *Số HD 027/10/HDTD/101-54 ngày 04 tháng 07 năm 2011*
 - + Hạn mức vay : 1.282.000 USD
 - + Lãi vay : 9,08%/năm
 - + Thời hạn vay : 72 tháng
 - + Ngày trả nợ gốc đầu tiên: 04/07/2012, mỗi kỳ trả 128.200 USD, 6 tháng/ 1 kỳ
 - + Mục đích vay : Thanh toán tiền nhập khẩu máy chiếu xạ.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- *Hợp đồng vay* : *Số HD 004/11/HDTD/101-54 ngày 07 tháng 01 năm 2011*
 - + Hạn mức vay : 410.260 USD
 - + Lãi vay : 9,08%/năm
 - + Thời hạn vay : 72 tháng
 - + Ngày trả nợ gốc đầu tiên: 07/07/2011, mỗi kỳ trả 41.025,6 USD, 6 tháng/ 1 kỳ
 - + Mục đích vay : Mua sắm Máy móc thiết bị.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

- *Hợp đồng vay* : *Số HD 036/11/HDTD/101-54 ngày 22 tháng 04 năm 2011*
- + Số tiền vay : 463.080,00 USD
- + Lãi vay : 9,54%/năm
- + Thời hạn vay : 72 tháng
- + Mục đích vay : Mua sắm Máy móc thiết bị.
- + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

21. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

- Số dư đầu năm 45.327.546
- Số trích lập trong kỳ -
- Số chi trong kỳ 8.034.850
- Số cuối năm*** 37.292.696

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương

22. Nguồn vốn chủ sở hữu

Năm trước	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
- Số dư đầu năm trước	86.400.000.000	-	8.899.432	1.669.082.270	3.722.282.579	192.413.224	25.477.869.876	117.470.547.381
- Tăng vốn trong năm trước	28.080.000.000	-	-	-	-	-	-	28.080.000.000
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	-	25.099.769.850	25.099.769.850
- Tăng khác	-	(59.000.000)	-	-	-	-	-	(59.000.000)
- Trích lập quỹ trong năm trước	-	-	-	3.877.869.876	-	-	(27.661.027.876)	(23.783.158.000)
- Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	(8.899.432)	-	-	(192.000.000)	-	(200.899.432)
Số dư cuối năm trước	114.480.000.000	(59.000.000)	-	5.546.952.146	3.722.282.579	413.224	22.916.611.850	146.607.259.799
Năm nay								
- Số dư đầu năm nay	114.480.000.000	(59.000.000)	-	5.546.952.146	3.722.282.579	413.224	22.916.611.850	146.607.259.799
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	32.412.790.405	32.412.790.405
- Tăng khác	-	(15.000.000)	-	-	-	-	-	(15.000.000)
- Trích lập quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(2.593.023.232)	(2.593.023.232)
- Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(22.881.200.000)	(22.881.200.000)
- Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	(563.982.553)	(563.982.553)
Số dư cuối kỳ	114.480.000.000	(74.000.000)	-	5.546.952.146	3.722.282.579	413.224	29.291.196.470	152.966.844.419

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn đầu tư của Công ty Nhà Nước	14.837.820.000	14.837.820.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	99.642.180.000	99.642.180.000
Cộng	114.480.000.000	114.480.000.000

(*) Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2011 là 7.400 CP

Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	114.480.000.000	86.400.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	28.080.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	114.480.000.000	114.480.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	22.881.200.000	21.600.000.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.448.000	11.448.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.448.000	11.448.000
+ Cổ phiếu phổ thông	11.448.000	11.448.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	7.400	5.900
+ Cổ phiếu phổ thông	7.400	5.900
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.440.600	11.442.100
+ Cổ phiếu phổ thông	11.440.600	11.442.100
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	32.412.790.405	28.267.942.660
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	32.412.790.405	28.267.942.660
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.440.600	11.442.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.833	2.194

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	109.887.610.052	67.055.865.539
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	39.058.160.320	9.486.410.515
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	70.829.449.732	57.569.455.024
Khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	109.887.610.052	67.055.865.539
Trong đó	-	-
- Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	39.058.160.320	9.486.410.515
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	70.829.449.732	57.569.455.024

2. Giá vốn hàng bán

- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	20.123.689.721	4.848.272.240
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	28.320.618.284	23.547.508.482
Cộng	48.444.308.005	28.395.780.722

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	354.475.386	82.392.606
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.520.832.410	69.941.304
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	337.640.251	22.902.055
Cộng	4.212.948.047	175.235.965

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	3.221.974.194	137.800.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá thanh toán	275.738.583	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	2.092.689.843	-
Cộng	5.590.402.620	137.800.000

5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.708.362.933	8.142.815.264
- Chi phí nhân công	12.087.913.635	8.942.933.280
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.039.410.993	7.263.636.423
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.095.031.095	6.082.067.028
- Chi phí khác bằng tiền	8.103.318.915	8.234.075.306
- Chi phí hàng hư hỏng	5.497.583.320	-
- Chi phí thuê, phí, lệ phí	36.391.468	-
Cộng	73.568.012.359	38.665.527.301

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin bổ sung

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN). Một số chỉ tiêu số đầu năm 2011 đã được phân loại lại cho phù hợp.

2. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV An Phú Bình Minh	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cộng ty TNHH MTV An Phú Bình Minh		
Doanh thu cung cấp DV cho thuê TS	6.000.000.000	-
Giá vốn cung cấp DV cho thuê TS	5.453.906.255	-
Doanh thu cung cấp hàng hóa thanh long	762.451.200	-
Giá vốn cung cấp hàng hóa thanh long	452.521.507	-
Cấp vốn hoạt động	2.304.000.000	-
Chi hộ các khoản chi phí	526.560.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng ty TNHH MTV An Phú Bình Minh		
Nợ phải thu	6.464.044.001	-
Phải thu cung cấp DV	6.038.696.320	-
Các khoản phải thu khác	425.347.681	-



Bình Dương, ngày 06 tháng 2 năm 2012

Vương Đình Khoát
Tổng Giám đốc

Nguyễn Đắc Đoàn
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Minh
Người lập biểu